TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày: 29/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Danh, ông Nguyễn Hoàng Thành và bà Tạ Thị Mỹ Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đáng – Kiểm sát viên trung cấp và ông Lê Trung Nghĩa - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn K - sinh ngày 15 tháng 12 năm 1987; Tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố T, phường A, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1963 và bà Hồ Thị T, sinh năm 1963; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/5/2015 bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm phạt 03 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong bản án ngày 03/8/2015. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/12/2021 tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K*: Ông Ngô Thiên Phương – Luật sư văn phòng Luật sư Nhật Khang, thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: A,, phường 3, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch Trường H, do ông Phạm Trường H làm đại diện; Địa chỉ: 123, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Công ty TNHH dịch vụ vận tải Phượng Hoàng C, do ông Nguyễn Ngọc S làm đại diện; Địa chỉ: 123, khu A, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch V; do ông Nguyễn Minh D làm đại diện; Nơi cư trú: 123 , phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

5. Hợp tác xã dịch vụ vận tải K, do ông Lê Minh Q làm đại diện; Địa chỉ: Số 123, phường 15, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Ngô Tổ T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số 123, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Minh K, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số 123 ấp T, xã H, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Ông Đinh Quý G, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số 123 P, phường S, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Kiều Ngọc T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu phố A, phường L, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Ông Phạm Huy C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số 123, phường A, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xử vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Khắc P, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số 123 C, phường A, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

7. Ông Bùi Đình T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: 123, xã A, phường L, thị xã L, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

8. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1963; Nơi cư trú: 123 , khu phố T , phường A, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức thuê xe ôtô tự lái rồi đem đi bán hoặc cầm cố lấy tiền nên từ ngày 29/5/2021

đến ngày 15/8/2021, K đã có hành vi gian dối thuê 05 xe ôtô trị giá 2.096.592.300 đồng rồi đem đi bán hoặc làm giả giấy tờ liên quan, đem xe đi cầm cố lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân, cụ thể:

- *Vụ thứ nhất:* Ngày 29/5/2021, K thuê xe ôtô biển kiểm soát 51H-389.42 do Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch Trường H, địa chỉ 123 , phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thuê lại của Ngô Tổ T, trú 123 Nguyễn T, phường 7, quận A, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh. Sau khi ký hợp đồng, K nhận xe kèm theo bản phôtô giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô mang tên Ngô Tổ T và bản chính giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy chứng nhận kiểm định xe rồi điều khiển xe về thành phố Tuy Hòa. Ngày 30/5/2021, K sử dụng mạng xã hội zalo liên hệ với tài khoản zalo tên "Trấn Phong" (không xác định) đặt làm giả và cung cấp thông tin để "Trấn Phong" làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô và 01 hợp đồng ủy quyền. Khi nhận được 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô mang tên Ngô Tổ T và 01 hợp đồng ủy quyền đề ngày 29/02/2020, nội dung ông Tự ủy quyền cho K toàn quyền quyết định xe ôtô trên, K sử dụng giấy tờ giả đem xe cầm cố cho Kiều Ngọc T, trú khu phố A, phường L, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên lấy số tiền 250.000.000 đồng (Bút lục số 1553-1554, 1582-1587).

- *Vụ thứ hai:* Ngày 06/6/2021, K thuê xe ôtô biển kiểm soát 51H-740.81 do Công ty TNHH dịch vụ vận tải H, địa chỉ 123 , phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh thuê lại của Trần Thị Minh K, trú 123 ấp A, xã H, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh. Sau khi ký hợp đồng, K nhận xe kèm theo bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô tên Trần Thị Minh K, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy chứng nhận kiểm định xe rồi điều khiển về phòng trọ ở thành phố Hồ Chí Minh. K liên lạc với "Trấn Phong" đặt và cung cấp thông tin để làm giả 01 hợp đồng ủy quyền. Cùng ngày, "Trấn Phong" mang đến phòng trọ giao cho K 01 hợp đồng ủy quyền đề ngày 02/4/2021, nội dung Trần Thị Minh K ủy quyền cho K toàn quyền quyết định xe ô tô trên. K điều khiển xe về thành phố Tuy Hoà, đến ngày 08/6/2021, K sử dụng giấy tờ giả đem cầm cố xe cho Phạm Huy C, trú 123, phường A, thành phố Tuy Hoà lấy số tiền 320.000.000 đồng (Bút lục số 1540-1543, 1582-1587).

- *Vụ thứ ba:* Ngày 13/6/2021, K thuê xe ôtô biển kiểm soát 51H-131.20 do Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch V, địa chỉ 123, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thuê lại của Đinh Quý G, trú 123 , phường Võ Thị S, quận A, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh. Sau khi ký hợp đồng, K nhận xe kèm theo bản phôtô giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô mang tên Đinh Quý G và bản chính giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy chứng nhận kiểm định xe. Sau đó, K liên lạc với "Trấn Phong" đặt và cung cấp thông tin để làm giả 01 giấy

chứng nhận đăng ký xe ôtô và 01 hợp đồng ủy quyền. Cùng ngày, K gặp trực tiếp "Trấn Phong" nhận 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô mang tên Đinh Quý G và 01 hợp đồng ủy quyền đề ngày 08/8/2020, nội dung Đinh Quý G ủy quyền cho K toàn quyền quyết định xe ôtô trên. K điều khiển xe về thành phố Tuy Hòa, đến ngày 14/6/2021, K sử dụng giấy tờ giả đem xe ôtô này đổi cho Phạm Huy C lấy xe ôtô biển kiểm soát 51H-740.81 mà K đã cầm cố trước đó rồi dùng giấy tờ giả đem xe ôtô biển kiểm soát 51H-740.81 cầm cố cho Nguyễn Khắc P, trú số 123, phường A, thành phố Tuy Hoà lấy số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi tiêu xài hết số tiền cầm cố được, K thỏa thuận thống nhất với Phước bán xe ôtô biển kiểm soát 51H-740.81 với giá 500.000.000 đồng, Phước đã chuyển khoản cho K số tiền 100.000.000 đồng (Bút lục số 1545-1546, 1582-1587).

- *Vụ thứ tư:* Ngày 20/6/2021, K thuê xe ô tô biển kiểm soát 51H - 377.87 của Hợp tác xã dịch vụ vận tải Gia K, địa chỉ 123, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là chi nhánh của Công ty cổ phần tập đoàn V. Sau khi ký hợp đồng, K nhận xe kèm theo bản phôtô giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô tên Công ty cổ phần tập đoàn V và bản chính giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy chứng nhận kiểm định xe, rồi điều khiển xe về phòng trọ ở thành phố Hồ Chí Minh. K liên lạc với "Trấn Phong" đặt và cung cấp thông tin để làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô và 01 hợp đồng ủy quyền. "Trấn Phong" mang đến phòng trọ cho K 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô mang tên Nguyễn Hữu T, địa chỉ 123, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh và 01 hợp đồng ủy quyền đề ngày 17/6/2021, nội dung Nguyễn Hữu T ủy quyền cho K toàn quyền quyết định xe ôtô trên. K điều khiển xe về thành phố Tuy Hoà, sử dụng giấy tờ giả đem xe cầm cố cho Phạm Huy C lấy 310.000.000 đồng (Bút lục số 1549-1550, 1582-1587).

- *Vụ thứ năm:* Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15/8/2021, K đến gặp Nguyễn Xuân H, trú số 21 Huỳnh Thúc K, phường A, thành phố Tuy Hoà đưa ra thông tin gian dối là thuê xe vào thành phố Hồ Chí Minh chở dì ruột của K đang điều trị bệnh. H tin thật nên đồng ý thỏa thuận miệng cho K thuê xe ôtô biển kiểm soát 51F-448.8X trong 04 ngày. H giao xe, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô (bản phôtô), giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy kiểm định cho K, K điều khiển xe vào thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người không xác định (Bút lục số 40-43, 393-396).

Kết luận định giá tài sản số 48 ngày 03/12/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Phú Yên kết luận xe ôtô biển kiểm soát 51F-448.8X, tại thời điểm tháng 8/2021 có giá trị 431.302.105 đồng (Bút lục số 234).

Kết luận định giá tài sản số 49 ngày 31/12/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Phú Yên kết luận: Xe ôtô biển kiểm soát 51H-389.4X tại thời điểm tháng 5/2021 trị giá 334.306.490 đồng; xe ôtô biển kiểm soát 51H-740.8X tại thời điểm tháng 6/2021 trị giá 588.739.250 đồng; xe ôtô biển kiểm soát 51H-131.2X tại thời điểm tháng 6/2021 trị giá 384.397.455 đồng; xe ôtô biển kiểm soát 51H-377.8X tại thời điểm tháng 6/2021 trị giá 357.847.000 đồng (Bút lục số 1001, 1002).

Kết luận giám định số 339 ngày 16/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận:

- Các dấu vân tay ở phần bên uỷ quyền và phần bên nhận uỷ quyền trên các hợp đồng ủy quyền đề ngày 29/02/2020 và ngày 08/8/2020 đều là của Trần Văn K.

- Dấu vân tay trên hợp đồng ủy quyền đề ngày 02/4/2021 không trùng với dấu vân tay của Ngô Tổ T, Đinh Quý G, Trần Thị Minh K, bị can Trần Văn K.

Kết luận giám định số 360 ngày 23/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận:

- Chữ viết trên hợp đồng ủy quyền đề ngày 29/02/2020 so với chữ viết của Ngô Tổ T (mẫu so sánh) không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên hợp đồng ủy quyền đề ngày 08/8/2020 so với chữ viết của Đinh Quý G (mẫu so sánh) không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên hợp đồng ủy quyền đề ngày 2/4/2021 so với chữ viết của Trần Thị Minh K (mẫu so sánh) không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết phần nội dung và chữ viết "Nguyễn Hữu T" trên hợp đồng ủy quyền đề ngày 17/6/2021 so với chữ viết của Trần Văn K trên mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn K trên các hợp đồng ủy quyền đề ngày 29/02/2020, 08/8/2020, 2/4/2021 và 17/6/2021 so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn K trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHONG P" trên các hợp đồng ủy quyền đề ngày 29/02/2020, 2/4/2021, 17/6/2021 so với hình dấu của Văn phòng công chứng Phong P trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÙI THỊ X" trên hợp đồng ủy quyền đề ngày 08/8/2020 so với hình dấu tròn của Văn phòng công chứng Bùi Thị X trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Thượng tá Trần Nguyễn P trên giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển kiểm soát 51H-389.42 so với chữ ký của Trần Nguyễn P trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Thượng tá Huỳnh Trung P trên giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển kiểm soát 51H-131.2X so với chữ ký của Huỳnh Trung P trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Trung tá Nguyễn Văn B trên giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển kiểm soát 51H-377.87 so với chữ ký của Nguyễn Văn B trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung " PHÒNG CSGT ĐƯỜNG BỘ ĐƯỜNG SẮT CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH" có trên các giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô biển kiểm soát 51H-389.4X, 51H-131.2X, 51H-377 không phải do con dấu có hình dấu trên mẫu so sánh của Phòng CSGT Công an thành phố Hồ Chí Minh đóng ra.

* Vật chứng vụ án: Tạm giữ và đã trả lại cho chủ sở hữu các xe ôtô biển kiểm soát: 51H-389.4X; 51H-740.8X; 51H-131.2X; 51H-377.8X.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSPY-P1 ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Trần Văn K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn K vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Văn K phạm các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm b, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 12 năm đến 13 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm

s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Áp dụng Điều 55 BLHS; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là từ 15 năm đến 16 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: các xe ôtô biển kiểm soát: 51H-389.4X; 51H-740.8X; 51H-131.2X; 51H-377.8X đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Trần Văn K phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Xuân H số tiền 431.302.105 đồng; Trả cho Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch V số tiền 11.710.000 đồng; Hợp tác xã dịch vụ vận tải K số tiền 46.120.000 đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm H C số tiền 630.000.000 đồng; Anh Nguyễn Khắc P số tiền 500.000.000 đồng; Anh Kiều Ngọc T số tiền 250.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K, luật sư Ngô Thiên P trình bày: Về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thống nhất theo đề nghị của kiểm sát viên; Về hình phạt: đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp hơn mức án mà kiểm sát viên đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên toà, vắng mặt 04 bị hại và 06 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng xét thấy, những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, chấp nhận ý kiến của bị cáo, người bào chữa của bị cáo và Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự. Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn K tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 29/5/2021 đến ngày 15/8/2021, trên địa bàn thành phố H, tỉnh Phú Yên và thành phố Hồ Chí Minh, Trần Văn K đã có hành vi gian dối thuê 05 xe ôtô biển kiểm soát 51H-389.4X, 51H-740.8X, 51H-131.2X, 51H-377.8X và 51F-448.8X, có tổng giá trị 2.096.592.300 đồng của Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch H; Công ty TNHH dịch vụ vận tải H; Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịCh V ; Hợp tác xã dịch vụ vận tải Gia K và anh Nguyễn Xuân H. Sau khi thuê được xe, K đặt và cung cấp thông tin để làm giả 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô và 04 hợp đồng ủy quyền, rồi sử dụng đem 04 xe ôtô biển kiểm soát 51H-389.4X, 51H-740.8X, 51H-131.2X và 51H-377.8X đi cầm cố lấy 1.380.000.000 đồng và bán xe ôtô biển kiểm soát 51F-448.8X cho người khác lấy tiền tiêu xài. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố Trần Văn K về các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" - theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" - theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Bị cáo Trần Văn K là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi ích cá nhân, xem thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác, dùng thủ đoạn gian dối để nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, uy tín của các cơ quan, tổ chức liên quan, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự - an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo cùng lúc phạm nhiều tội, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả 5.000.000đ; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; có mẹ ruột là bà Hồ Thị T được chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương; bị hại Nguyễn Xuân H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Bị cáo Trần Văn K cùng lúc bị xét xử về nhiều tội nên áp dụng quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

[4.1] Bị hại Nguyễn Xuân H yêu cầu bị cáo Trần Văn K bồi thường giá trị chiếc xe ô tô 51F-448.8X số tiền 431.302.105 đồng;

[4.2] Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch V yêu cầu bị cáo Trần Văn K trả tiền thuê xe ôtô 51H-131.2X là 11.710.000 đồng;

[4.3] Hợp tác xã dịch vụ vận tải Gia K bị cáo Trần Văn K yêu cầu trả tiền thuê xe ôtô 51H-377.8X là 46.120.000 đồng;

[4.4] Anh Phạm Huy C yêu cầu bị cáo Trần Văn K trả lại số tiền 630.000.000 đồng;

[4.5] Anh Nguyễn Khắc P yêu cầu bị cáo Trần Văn K trả lại số tiền 500.000.000 đồng;

[4.6] Anh Kiều Ngọc T yêu cầu bị cáo Trần Văn K trả lại số tiền 250.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là có căn cứ, phù hợp với pháp luật. Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn K đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 431.302.10X đồng; Trả cho Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch V số tiền 11.710.000 đồng; Hợp tác xã dịch vụ vận tải K số tiền 46.120.000 đồng; Anh Phạm Huy C số tiền 630.000.000 đồng; Anh Nguyễn Khắc P số tiền 500.000.000 đồng; Anh Kiều Ngọc T số tiền 250.000.000 đồng. Tổng số tiền buộc bị cáo Trần Văn K phải bồi thường là 1.869.132.105 đồng, đã bồi thường 5.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 1.864.132.105 đồng.

[4.7] Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch Trường H; Công ty TNHH dịch vụ vận tải H vắng mặt tại phiên toà nhưng có ý kiến trình bày đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản thiệt hại nào khác nên không xét giải quyết.

[5] Tạm giữ số tiền 5.000.000đ do bà Hồ Thị T nộp (thay cho bị cáo Trần Văn K) vào tài khoản số 39490904046X của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên ngày 11/7/2022 để đảm bảo thi hành án.

[6] Đối với các các xe ôtô biển kiểm soát: 51H-389.4X; 51H-740.8X; 51H-131.2X; 51H-377.8X đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn K bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo còn phải bồi thường 1.864.132.105 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 36.000.000 đồng + 3% giá trị vượt quá 800 triệu đồng (1.064.132.105 đồng x 3%) = 67.923.963 đồng theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với việc Trần Văn K khai chiếc xe ôtô biển kiểm soát 51F-448.8X đưa cho Bùi Đình T bán, nhưng T không thừa nhận, hiện nay xe không thu giữ được, không xác định được người mua, ngoài ra không có chứng cứ nào khác, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[9] Đối với người có tài khoản zalo tên "Trấn Phong", chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[10] Đối với Kiều Ngọc T, Phạm Huy C, Nguyễn Khắc P nhận cầm cố xe của Trần Văn K nhưng không biết xe do phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

Áp dụng: điểm a Khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; Điểm b, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K – 13 (Mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 (Ba) năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là: 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Trần Văn K phải bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 431.302.105 đồng (*Bốn trăm ba mươi mốt triệu ba trăm lẻ hai nghìn một trăm lẻ năm đồng*); Trả cho Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch V số tiền

11.710.000 đồng (*Mười một triệu bảy trăm mười nghìn đồng*); Hợp tác xã dịch vụ vận tải K số tiền 46.120.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*); Anh Phạm Huy C số tiền 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*); Anh Nguyễn Khắc P số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); Anh Kiều Ngọc T số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Tổng số tiền buộc bị cáo Trần Văn K phải bồi thường là 1.869.132.105 đồng (*Một tỷ tám trăm sáu mươi chín triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm lẻ năm đồng*), đã bồi thường 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), còn phải tiếp tục bồi thường 1.864.132.105 đồng (*Một tỷ tám trăm sáu mươi bốn triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm lẻ năm đồng*).

Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) do bà Hồ Thị T nộp (thay cho bị cáo Trần Văn K) vào tài khoản số 39490904046X của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên ngày 11/7/2022 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 67.923.963đ (*Sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên toà) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại ĐN(1);
- VKSND cấp cao tại ĐN (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- PV 06 (1);
- PC 01 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng